TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:90/2021/DS-PT
Ngày 26-10-2021
"*V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung;

Các Thẩm phán: Bà Trương Tố Hương;

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cươl, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2021 về việc *"Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 136/2021/QĐ-PT, ngày 16 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãnh phiên tòa dân sự phúc thẩm số 159/2021/QĐ-PT, ngày 07/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 206/2021/QĐ-PT, ngày 24/9/2021 và Thông báo về việc dời phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 104/TB-TA, ngày 07/10/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà A, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ cung cấp tại cấp sơ thẩm: ấp T, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng và đường N, khóm B, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ cung cấp tại cấp phúc thẩm: Đường Đ, ấp C, thị trấn C, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn A: Ông B, sinh năm 1981 theo văn bản ủy quyền ngày 17/6/2021 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn*: Ông C, sinh năm 1978 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

* *Những người làm chứng*:

1. Ông NLC 1, sinh năm 1984 (vắng mặt).

2. Bà NLC 2, sinh năm 1970 (vắng mặt).

3. Bà NLC 3 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng

* *Người kháng cáo*: Bà A là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

* *Nguyên đơn A trình bày*: Vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 19/10/2018, ông C đến thu tiền thuê nhà của bà A. Tại đây ông C đã hành vi ôm hôn bà A, nhưng không được sự đồng ý của bà A. Việc làm của ông C đã làm bà A hoang mang, ảnh hưởng đến việc làm ăn và hạnh phúc gia đình. Sau khi sự việc xảy ra, bà A có trình báo tại các cơ quan có thẩm quyền, nhưng vụ việc giải quyết không được thỏa đáng. Công việc hàng ngày của bà A là nghề làm tóc, thu nhập không ổn định, có tháng nhiều, tháng ít, nhưng bình quân 1.000.000đ/ngày, do tiệm nhỏ nên bà A không đăng ký kinh doanh, vì vậy không có hóa đơn chứng từ. Kể từ ngày ông C có hành vi không đúng đắn với bà A, thì bà A không còn kinh doanh nghề làm tóc nữa vì hàng xóm dị nghị, nhưng bà A vẫn ở đó, bà A không kinh doanh nghề làm tóc từ 20/10/2018 cho đến 21/4/2019.

Từ những sự việc nêu trên, bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Buộc ông C có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm với số tiền là 150.000.000đ; ngoài ra bà A cũng yêu cầu ông C bồi thường khoản tiền thu nhập bị mất trong thời gian 06 tháng (từ 20/10/2018 – 21/4/2019) với số tiền là 180.000.000đ. Tổng cộng số tiền bà A yêu cầu bồi thường là 330.000.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà A thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà A yêu cầu ông C có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm và bồi thường tiền thu nhập bị mất trong thời gian 06 tháng (từ 20/10/2018 – 21/4/2019) với tổng số tiền là 60.000.000đ.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bị đơn C trình bày*: Ông C thừa nhận có hành vi không đúng chuẩn mực là có ôm bà A nhưng không có hôn như bà A trình bày. Vì vậy, ông tự nguyện bồi thường cho bà A số tiền là 5.000.000đ. Ông không đồng ý bồi thường theo yêu cầu khởi kiện của bà A với số tiền tổng cộng là 60.000.000đ.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 584; 585; 586; 588; 592 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào phần I và mục 3 phần II của Nghị Quyết số 03/2006/NQ-HĐTP, ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A về việc yêu cầu ông C bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm.

Buộc ông C có trách nhiệm bồi thường cho bà A số tiền 7.450.000 đồng (Bảy triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 17-6-2021, nguyên đơn A kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bị đơn C phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần và thu nhập thực tế giảm sút, tổng cộng là 60.000.000đ, vì: Từ hành vi trái pháp luật của bị đơn C mà 06 tháng sau khi xảy ra sự việc, nguyên đơn A phải đóng của tiệm tóc do phải đi khiếu nại, tố cáo và lo sợ bị gia đình bị đơn C trả thù nên thu nhập thực tế bị mất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn A không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung kháng cáo*: Do kháng cáo của nguyên đơn A không có căn cứ pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Bị đơn C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, các người làm chứng: NLC 1; NLC 2 và NLC 3 cùng vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện thẻo ủy quyền của nguyên đơn A yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn C và các người làm chứng. Vì vậy, Hội dồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, tiếp tục xét xử vắng mặt những người có tên nêu trên.

- Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn A là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Về nội dung kháng cáo*:

Nguyên đơn A yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bị đơn C phải bồi thường tiền thu nhập thực tế giảm sút là 60.000.000đ, cụ thể: Yêu cầu tổn thất về tinh thần và thiệt hại do danh dự, nhân phẩn bị xâm phạm là 14.900.000đ, tương đương 10 tháng lương cơ bản do nhà nước quy định, là mức cao nhất theo quy đinh của Bộ luật Dân sự và 35.100.000đ tiền mất thu nhập, trong đó có 23 ngày phải đến làm việc với các cơ quan chuyên môn và Tòa án 02 cấp cũng như chi phí đi lại và chi phí gửi đơn khiếu nại qua đường bưu điện, vì: Từ hành vi trái pháp luật của bị đơn C mà 06 tháng sau khi xảy ra sự việc, nguyên đơn A phải đóng của tiệm tóc do phải đi khiếu nại, tố cáo và lo sợ bị gia đình bị đơn C trả thù nên thu nhập thực tế bị mất. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 18/9/2021 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, bị đơn C không đồng ý theo nội dung kháng cáo của nguyên đơn A.

Xét kháng cáo của nguyên đơn A thì thấy rằng:

- Bị đơn C thừa nhận: Ngày 19-10-2018 ông có hành vi không đúng chuẩn mực với nguyên đơn A. Vì vậy, cấp sơ thẩm căn cứ các Điều 584; 585; 586; 588; 592 của Bộ luật dân sự năm 2015, xử buộc ông C có trách nhiệm bồi thường cho bà A số tiền 7.450.000đ (*bảy triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng*) tương đương với 5 tháng lương cơ sở do nhà nước quy định, do danh dự, nhân phẩm bị xâm hại là tương xứng với hành vi của bị đơn C, đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn A kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm, xem xét buộc bị đơn C phải bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần, do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm với số tiền 14.900.000đ tương ứng với 10 tháng lương sơ sở do Nhà nước quy định là không phù hợp nên không được cấp phúc thẩm chấp nhận.

- Nguyên đơn A yêu cầu bị đơn C phải bồi thường thu nhập thực tế bị giảm sút nhưng nguyên đơn A không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu này của mình là có căn cứ. Vì vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn A là có căn cứ pháp luật.

- Nguyên đơn A kháng cáo yêu cầu bị đơn C phải bồi thường 35.100.000đ tiền mất thu nhập nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ pháp luật, trong khi bị đơn C không đồng ý với nội dung kháng cáo của nguyên đơn A. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn A.

Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật như đã viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Nguyên đơn A không phải chịu, do thuộc trường hợp được miễn theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà A.

I - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 584; 585; 586; 588; 592 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào phần I và mục 3 phần II của Nghị Quyết số 03/2006/NQ-HĐTP, ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A về việc yêu cầu ông C bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm.

Buộc ông C có trách nhiệm bồi thường cho bà A số tiền 7.450.000 đồng (Bảy triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông C còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C phải chịu số tiền 372.500 đồng (Ba trăm bảy mươi hai ngàn, năm trăm đồng). Bà A không phải chịu án phí.

II- Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn A không phải chịu.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Sóc Trăng;*
- *TAND huyện L;*
- *Chi cục THADS huyện L;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Nam Trung